

Bản án số: 34/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 06/9/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trương Thị Hương;

2/ Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 23/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1999; địa chỉ: Số nhà Q32, tổ 6 ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã P, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024; đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/4/2024 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

Chị và anh Bùi Văn Th quen biết, yêu thương nhau từ năm 2017, sau đó làm đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2022 chị với anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đức Phổ. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2023 là phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Th có hành vi đánh đập chị, hiện nay chị đang sinh sống ở Vũng Tàu còn anh Th về sống tại xã P, thị xã Đ nên anh chị ly thân từ năm 2023 đến nay, không ai quan

tâm đến ai. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Chị N trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có 03 con chung Bùi Tấn P, sinh ngày 28/4/2018, Bùi Tấn Đ, sinh ngày 16/02/2020 và Bùi Tấn A, sinh ngày 05/5/2023. Hiện nay con Bùi Tấn P đang ở cùng anh Th, chị N đang nuôi hai con Bùi Tấn Đ và Bùi Tấn A; khi ly hôn chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con Đ và A cho chị trực tiếp nuôi; giao con P cho anh Th trực tiếp nuôi; chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Bùi Văn Th: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Th nhưng anh Th không đến Tòa, không trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho chị N được ly hôn anh T; về con chung: Giao con chung là Bùi Tấn Đ, sinh ngày 16/02/2020, Bùi Tấn A, sinh ngày: 05/5/2024 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Bùi Tấn P, sinh ngày 28/4/2018 cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Các bên có quyền và nghĩa vụ tham nom con mà không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn Bùi Văn Th; cư trú tại: Thôn Tr, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Bùi Văn Th các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, anh Th biết

Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn mà anh là bị đơn nhưng anh vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Anh Th phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Bùi Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh Th.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Bùi Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2022. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị N cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh Th có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh Th có hành vi đánh đập chị. Từ năm 2023 anh Th đưa con Bùi Tấn P về sống tại xã P, thị xã Đ; chị và hai con nhỏ sống tại Vũng Tàu, anh Th không quan tâm gì đến chị ngay cả khi chị sinh con, từ đó anh chị ly thân. Chị N yêu cầu ly hôn nhưng anh Th không đến Tòa và không có ý kiến gì, có ý bỏ mặc ... Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh Th và chị N đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có 03 con chung Bùi Tấn P, sinh ngày 28/4/2018, Bùi Tấn Đ, sinh ngày 16/02/2020 và Bùi Tấn A, sinh ngày 05/5/2023. Hiện nay con Bùi Tấn P đang ở cùng anh Th; chị N đang nuôi hai con Bùi Tấn Đ và Bùi Tấn A; khi ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con Đ và A cho chị trực tiếp nuôi; giao con Ph cho anh Th trực tiếp nuôi; chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con. HĐXX xét thấy: Chị N đang nuôi hai con nhỏ ổn định; anh Th cũng đang nuôi con Bùi Tấn P ổn định; anh T không có ý kiến về phần con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con Bùi Tấn P cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng và giao hai con Bùi Tấn Đ và Bùi Tấn A chị N tiếp tục nuôi dưỡng là hợp pháp và hợp lý.

Về cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày đều không có, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng nên được khấu trừ xong.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Giao con Bùi Tấn P, sinh ngày 28/4/2018 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao hai con Bùi Tấn Đ, sinh ngày 16/02/2020 và Bùi Tấn A, sinh ngày 05/5/2023 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho con.

Chị N, anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001827 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

**Các thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

